

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HN&GD-ST
Ngày: 26/4/2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Trọng Kim.
- Bà Đinh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 540/2022/TLST-HN&GD, ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HN&GD, ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST- HN&GD, ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NTLT, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Số 210, đường B, thôn 6, xã Đức Tín, huyện ĐL, tỉnh BT.

- Bị đơn: Anh TQC, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Số 210, đường B, thôn 6, xã Đức Tín, huyện ĐL, tỉnh BT.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/9/2022, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà NTLT trình bày: Bà và ông TQC sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà xúc phạm bà. Mâu thuẫn kéo dài, khiến bà cảm thấy mệt mỏi không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân nữa. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa bà và ông C thật sự trầm trọng, không thể duy trì, không còn tình cảm yêu thương quý trọng nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông TQC. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/3/2023, bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐL đã gửi thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn là ông TQC không chấp hành việc triệu tập của tòa án, không tham gia tố tụng nên tòa án không thể lấy lời khai của ông C cũng như tiến hành phiên họp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông C hiện tại không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài vẫn không hàn gắn được. Nay bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn. Bà T và ông C không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và tuyên bố họ không phải là vợ chồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện ĐL đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Khi bà NTLT nộp đơn khởi kiện thì ông TQC đang cư trú tại thôn 6, xã Đức Tín, huyện ĐL. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện ĐL thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó,

căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông C là đúng pháp luật.

[4] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, bà NTLT trình bày: Bà và ông TQC chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 (sau ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực), không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 03/02/2023 tại chính quyền địa phương được cung cấp thông tin như sau: Bà NTLT, sinh năm: 1977 và ông TQC, sinh năm: 1975 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và có sinh sống tại địa chỉ số 210, đường B, tổ 5, thôn 8, xã Đức Tín, huyện DL, tỉnh BT cho đến nay. Vợ chồng có 02 người con chung tên TTTN, sinh năm: 1996 và TQT1, sinh năm: 1999. Quá trình sinh sống tại địa phương, không ghi nhận thông tin hay nhận được đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn về cuộc sống vợ chồng của bà T ông C.

Vì vậy theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, thì giữa bà T và ông C không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nên tuyên bố bà NTLT và ông TQC không phải là vợ chồng là phù hợp.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T là người khởi kiện nên phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về áp dụng án lệ: Không.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTLT.

1. Tuyên bố: Bà NTLT và ông TQC không phải là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà NTLT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012669, ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND xã DT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND thị trấn Võ Xu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

-
-

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

